

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 920/17/DBT
Về việc công bố thông tin BCTC
giữa niên độ 2017 đã được soát xét và
giải trình chênh lệch >5% trước & sau kiểm toán

Bến Tre, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Điện thoại : 083.622.0205 – 075.3900057 Fax : 075.3.829528
5. Người được ủy quyền công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
6. Nội dung của thông tin công bố :
 - 6.1. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.
 - 6.2. Giải trình chênh lệch >5% lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán: lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán giảm 8,9% (số tuyệt đối: 1.140.627.877 đồng) là do:
Kiểm toán đề nghị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho , trích trước chi phí bán hàng .
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.bepharco.com
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc

Nơi nhận :
- Như trên ;
- Lưu : TCHC.



ĐS Võ Minh Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 44
8. Phụ lục	45 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (075) 813447 – 822429 – 829528
- Fax : (075) 824248

Công ty có các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người.
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê kho bãi.
- Cho thuê mặt bằng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng).
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Vân Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Phan Trường Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0870/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 7 năm 2017, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Bùi Văn Khả

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		386.131.931.855	314.122.271.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.313.720.213	22.271.906.500
1. Tiền	111		18.992.520.213	22.216.906.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		321.200.000	55.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.680.150.000	21.010.850.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.680.150.000	3.010.850.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.685.324.099	106.029.429.264
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	153.605.448.973	97.654.373.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	773.175.800	618.350.058
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.567.667.207	8.017.673.206
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(260.967.881)	(260.967.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	177.908.012.990	161.794.181.604
1. Hàng tồn kho	141		179.669.863.430	162.959.350.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.761.850.440)	(1.165.168.480)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.544.724.553	3.015.904.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	612.968.819	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.024.792.818	3.012.981.641
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	906.962.916	2.922.904
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.800.528.708	140.829.134.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		412.297.000	230.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	412.297.000	230.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.825.792.729	27.136.094.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.054.299.913	21.155.860.221
- Nguyên giá	222		51.663.936.514	49.747.798.969
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.609.636.601)	(28.591.938.748)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.771.492.816	5.980.234.686
- Nguyên giá	228		6.820.391.320	6.820.391.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.048.898.504)	(840.156.634)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		109.090.909	109.090.909
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	109.090.909	109.090.909
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		141.363.016.580	109.033.016.580
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	89.524.977.580	36.391.469.580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	48.108.225.000	68.781.733.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	3.729.814.000	3.859.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.090.331.490	4.320.932.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.090.331.490	4.320.932.446
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		558.932.460.563	454.951.406.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		395.342.390.983	324.057.686.014
I. Nợ ngắn hạn	310		395.292.390.983	323.886.511.624
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	195.089.968.800	116.159.377.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.534.066.651	185.173.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.483.906.002	2.391.647.263
4. Phải trả người lao động	314	V.16	4.093.150.698	8.346.540.733
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.460.606.523	2.319.981.200
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.363	163.636.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	2.240.642.575	928.190.371
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	182.609.776.755	191.989.589.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.616.636.616	1.402.375.591
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		50.000.000	171.174.390
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	50.000.000	171.174.390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.590.069.580	130.893.720.741
I. Vốn chủ sở hữu	410		163.540.069.580	130.843.720.741
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	123.144.940.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	28.444.124.821	41.894.635.982
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.738.395.957	41.894.635.982
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.705.728.864	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.22	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		558.932.460.563	454.951.406.755

Bến Tre, ngày 24 tháng 7 năm 2017


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	345.452.144.874	272.762.556.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.104.025.692	1.386.374.375
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		343.348.119.182	271.376.182.075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	264.835.852.647	200.602.345.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.512.266.535	70.773.836.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.419.777.695	549.584.579
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10.399.732.848	6.179.785.611
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.059.820.381	4.734.143.361
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	38.722.036.857	30.031.529.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.137.634.840	20.824.726.725
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.672.639.685	14.287.379.768
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.344.373.501	612.571.178
12. Chi phí khác	32	VI.9	143.405.309	1.550.074
13. Lợi nhuận khác	40		1.200.968.192	611.021.104
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.873.607.877	14.898.400.872
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	3.167.879.013	3.041.316.124
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.705.728.864</u>	<u>11.857.084.748</u>

Bến Tre, ngày 24 tháng 7 năm 2017


 Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập


 Nguyễn Văn Chí Cường
 Kế toán trưởng


 Võ Minh Tân
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		14.873.607.877	14.898.400.872
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	2.297.317.250	2.074.758.510
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	596.681.960	(1.232.690.838)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	4.670.833.117	808.133.765
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(2.086.768.526)	(131.185.472)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.059.820.381	4.734.143.361
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		25.411.492.059	21.151.560.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.754.043.024)	(7.727.737.551)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.710.513.346)	1.699.002.237
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		74.191.690.579	32.237.835.821
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(382.367.863)	(40.476.855)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.059.820.381)	(4.734.143.361)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(2.543.249.796)	(5.672.688.930)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(78.915.000)	(68.548.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.074.273.228	36.844.802.622
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(2.019.137.545)	(1.448.962.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(451.000.000)	(8.031.992.060)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	781.700.000	1.327.403.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(32.460.000.000)	(11.445.168.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c	130.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	2.111.618.272	131.185.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.899.546.546)	(19.467.533.044)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21b	34.523.290.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	207.385.059.825	168.796.973.786
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(216.764.872.794)	(202.653.405.431)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(97.200.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(12.276.390.000)	(7.658.933.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		12.867.087.031	(41.612.564.645)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.958.186.287)	(24.235.295.067)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.271.906.500	43.598.080.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	4.107.099
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.313.720.213	19.366.892.841

Bến Tre, ngày 24 tháng 7 năm 2017


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc

04498
ĐỒNG T
NHIỆM H
ĐẢN VÀ
& I
- T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC	436B/76 đường 3 tháng 2 phường 12, quận 10 TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	sản xuất kinh doanh dược phẩm	51,85%	51,85%	51,85%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	334 Tô Hiến Thành, phường 14 quận 10 TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	25,16%	25,16%	25,16%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- 7. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 345 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 358 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

0449
ÔNG
NHỆM
OÁN VỊ
&
T.P1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bán quyền

Tiền bán quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bán quyền.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chi được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	336.766.609	1.617.915.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.655.753.604	20.598.991.014
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	321.200.000	55.000.000
Cộng	<u>19.313.720.213</u>	<u>22.271.906.500</u>

⁽ⁱ⁾ Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời hạn 1 tháng (lãi nhập vốn) tại của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình. Các khoản tiền gửi này được cầm cố tại cùng Chi nhánh Ngân hàng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Năm trước Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông với giá mua và chi phí mua là 36.000 VND/cổ phiếu.

Toàn bộ số lượng cổ phiếu trên được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Chi nhánh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Hà Nội	1.402.000.000	1.402.000.000
Chi nhánh Đà Nẵng	1.095.000.000	1.266.000.000
Chi nhánh Cần Thơ	183.150.000	342.850.000
Cộng	2.680.150.000	3.010.850.000

Các khoản tiền gửi này được cầm cố tại cùng Chi nhánh Ngân hàng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của các chi nhánh Ngân hàng này.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty con	89.524.977.580	36.391.469.580
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái ⁽ⁱ⁾	37.051.469.580	36.091.469.580
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	52.173.508.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	48.108.225.000	68.781.733.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	48.108.225.000	48.108.225.000
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	20.673.508.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.729.814.000	3.859.814.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	130.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	66.710.000
Công ty Cổ phần sách và dịch vụ văn hóa Long An	3.663.104.000	3.663.104.000
Cộng	141.363.016.580	109.033.016.580

⁽ⁱ⁾ Trong kỳ Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 60.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái với giá mua là 16.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 2.199.800 cổ phiếu, tương đương 51,85% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (số đầu năm là 2.139.800 cổ phiếu, tương đương 50,43% vốn điều lệ).

⁽ⁱⁱ⁾ Đến ngày 30 tháng 4 năm 2017, Công ty được mua thêm 3.000.000 cổ phiếu (phân phối theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu) với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu từ 39,48% lên 51%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.366.680 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (số đầu năm là 1.366.680 cổ phiếu, tương đương 39,48%).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam theo giá thị trường.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Dược phẩm OC hiện đang trong giai đoạn thành lập, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm OC</i>		
Góp vốn điều lệ	-	300.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>		
Mua hàng hóa	7.769.323.940	-
Mua cổ phiếu	960.000.000	21.609.000.000
Nhận cổ tức	-	293.120.000
<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>		
Mua cổ phiếu	31.500.000.000	11.445.168.000
Mua hàng hóa	10.497.987.200	678.657.603
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA</i>		
Mua hàng hóa	1.145.256.214	3.310.311.749

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp

Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phiếu của các Công ty:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA

Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông

để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Liên Doanh Meyer - BPC	-	55.813.842
Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh	4.387.613.678	3.715.823.517
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	5.870.536.132	5.975.394.671
Ban quản lý các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	15.334.200.000	0
Bệnh viện K	10.644.972.190	4.758.854.684
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	1.849.991.053	1.326.561.419
Các khách hàng khác	115.518.135.920	81.821.925.748
Cộng	153.605.448.973	97.654.373.881



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là bộ phận của quyền tài sản luân chuyển phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với giá trị tối thiểu là 70 tỷ đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Đức	562.865.800	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	319.302.390
Các nhà cung cấp khác	210.310.000	299.047.668
Cộng	<u>773.175.800</u>	<u>618.350.058</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>250.000.000</i>	-	-	-
Thành viên HĐQT - tạm ứng thù lao công tác	250.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>9.317.667.207</i>	-	<i>8.017.673.206</i>	-
Tạm ứng	1.806.438.633	-	1.332.410.452	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	7.443.256.146	-	5.437.574.509	-
Các khoản chi hộ - Thuế Thu nhập cá nhân	67.972.428	-	1.245.914.394	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	1.773.851	-
Cộng	<u>9.567.667.207</u>	<u>-</u>	<u>8.017.673.206</u>	<u>-</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng

6. Nợ quá hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Thời gian quá hạn				
Dưới 6 tháng	34.902.149.895	34.902.149.895	25.822.622.481	25.822.622.481
Từ 6 tháng đến 1 năm	2.979.962.889	2.979.962.889	2.558.862.573	2.558.862.573
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	715.911.545	715.911.545	651.986.832	651.986.832
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	60.726.800	60.726.800	-	-
Trên 3 năm	260.967.881	-	260.967.881	-
Cộng	<u>38.919.719.010</u>	<u>38.658.751.129</u>	<u>29.294.439.767</u>	<u>29.033.471.886</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(260.967.881)	(410.785.053)
Số cuối kỳ	<u>(260.967.881)</u>	<u>(410.785.053)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	33.576.760.954	-	12.668.938.104	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.216.322.700	-	1.023.123.798	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.633.579	-	133.189.614	-
Hàng hóa	144.783.146.197 (1.761.850.440)		149.134.098.568 (1.165.168.480)	
Cộng	179.669.863.430 (1.761.850.440)		162.959.350.084 (1.165.168.480)	

Giá trị hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 2.450.111.115 VND (số đầu năm là 3.641.420.892 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 150 tỷ đồng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.165.168.480)	(3.364.646.496)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.303.118.990)	(1.062.050.560)
Hoàn nhập dự phòng	706.437.030	2.294.741.398
Số cuối kỳ	(1.761.850.440)	(2.131.955.658)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đồng phục nhân viên	532.956.152	-
Chi phí sửa chữa	15.275.000	-
Chi phí bảo trì phần mềm	64.737.667	-
Cộng	612.968.819	-

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	549.540.889	541.143.435
Chi phí thuê đất	2.902.794.436	2.952.842.614
Chi phí thi công, cải tạo, sửa chữa văn phòng	637.996.165	826.946.397
Cộng	4.090.331.490	4.320.932.446

15-C
Y
UHA
Ư VÀ
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.029.544.777	5.407.021.860	7.848.542.781	7.462.689.551	49.747.798.969
Mua sắm mới	-	-	2.019.137.545	-	2.019.137.545
Thanh lý Tài sản cố định	-	(103.000.000)	-	-	(103.000.000)
Số cuối kỳ	29.029.544.777	5.304.021.860	9.867.680.326	7.462.689.551	51.663.936.514
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.338.562.875	1.241.572.440	1.343.616.753	1.265.916.647	5.189.668.715
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.760.329.521	3.077.668.876	4.709.347.473	5.044.592.878	28.591.938.748
Khấu hao trong kỳ	891.542.387	321.885.128	419.095.584	456.052.281	2.088.575.380
Thanh lý Tài sản cố định	-	(70.877.527)	-	-	(70.877.527)
Số cuối kỳ	16.651.871.908	3.328.676.477	5.128.443.057	5.500.645.159	30.609.636.601
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	13.269.215.256	2.329.352.984	3.139.195.308	2.418.096.673	21.155.860.221
Số cuối kỳ	12.377.672.869	1.975.345.383	4.739.237.269	1.962.044.392	21.054.299.913
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.851.210.986 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.234.046.000	1.586.345.320	6.820.391.320
Số cuối kỳ	5.234.046.000	1.586.345.320	6.820.391.320
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	657.318.794	182.837.840	840.156.634
Khấu hao trong kỳ	47.270.988	161.470.882	208.741.870
Số cuối kỳ	704.589.782	344.308.722	1.048.898.504
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.576.727.206	1.403.507.480	5.980.234.686
Số cuối kỳ	4.529.456.218	1.242.036.598	5.771.492.816
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.19).

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối kỳ	<u>52.826.363</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối kỳ	<u>52.826.363</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang:		
- Công trình lắp đặt hệ thống PCCC tại KCN Tân Tạo	66.363.636	66.363.636
- Chi phí thiết kế	42.727.273	42.727.273
Cộng	<u>109.090.909</u>	<u>109.090.909</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.569.479.235	499.833.865
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	1.178.315.528	84.860.964
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	279.181.652	414.972.901
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Yên Bái	3.111.982.055	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	190.520.489.565	115.659.543.362
Công ty liên doanh Meyer – BPC	10.471.094.161	8.164.969.390
Meditop Pharmaceutical Ltd	7.765.861.059	5.879.038.303
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	97.978.547.360	54.906.471.294
Raptakos, Brett Co.Ltd.	9.665.375.444	2.608.737.115
Các nhà cung cấp khác	64.639.611.541	44.100.327.260
Cộng	<u>195.089.968.800</u>	<u>116.159.377.227</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng Ngự	16.441.255	16.554.655
Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	3.500.000.000	-
Các khách hàng khác	17.625.396	168.618.497
Cộng	3.534.066.651	185.173.152

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.873.607.877	14.898.400.872
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.010.787.188	346.552.748
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	15.884.395.065	15.244.953.620
Thu nhập được miễn thuế	(45.000.000)	(38.373.000)
Thu nhập tính thuế	15.839.395.065	15.206.580.620
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.167.879.013	3.041.316.124

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2017, quỹ lương năm 2017 được trích là 15% doanh thu thuần bán hàng năm 2017.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	1.934.906.523	1.963.216.345
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	525.700.000	356.764.855
Cộng	<u>2.460.606.523</u>	<u>2.319.981.200</u>

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	43.325.179
Kinh phí công đoàn	107.027.149	108.709.254
Bảo hiểm xã hội	150.652.782	129.519.540
Thuế TNCN thường xuyên và không thường xuyên thu hộ	1.121.524.726	31.166.049
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	170.174.390	49.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	330.307.350	292.203.350
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	194.779.000	194.779.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	122.851.999	79.487.999
Cộng	<u>2.240.642.575</u>	<u>928.190.371</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>3.390.000.000</i>	<i>3.390.000.000</i>
Vay của Tổng Giám đốc Công ty ⁽ⁱ⁾	3.900.000.000	3.900.000.000	3.390.000.000	3.390.000.000
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác và cá nhân</i>	<i>178.709.776.755</i>	<i>178.709.776.755</i>	<i>188.599.589.724</i>	<i>188.599.589.724</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	171.682.340.118	171.682.340.118	181.009.653.087	181.009.653.087
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.027.436.637	7.027.436.637	7.522.436.637	7.522.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	67.500.000	67.500.000
Cộng	<u>182.609.776.755</u>	<u>182.609.776.755</u>	<u>191.989.589.724</u>	<u>191.989.589.724</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

304
:ÔN
INHỆ
OÀN
8
-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản Vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Võ Minh Tân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh Dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.12).
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh Dược phẩm với lãi suất Ngân hàng Thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản Vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.009.653.087	206.410.059.825	(215.737.372.794)	171.682.340.118
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.912.436.637	975.000.000	(960.000.000)	10.927.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	67.500.000	-	(67.500.000)	-
Cộng	191.989.589.724	207.385.059.825	(216.764.872.794)	182.609.776.755

Công ty không có các khoản Vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.402.375.591	447.339.874
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.293.176.025	1.110.159.654
Chi quỹ	(78.915.000)	(68.548.937)
Số cuối kỳ	2.616.636.616	1.488.950.591

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngân hàng	61.380.000.000	39.600.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	61.764.940.000	37.398.080.000
Cộng	123.144.940.000	76.998.080.000

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ theo tỷ lệ 20:3 (cổ đông hiện hữu sở hữu 20 cổ phần được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/17/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2017. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 11.548.570.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty đã phát hành thêm 3.459.829 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 18 tháng 4 năm 2017 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 123.144.940.000 VND.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.314.494	7.699.808
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
- Cổ phiếu phổ thông		-
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/17/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

• Chia cổ tức lần 2 năm 2015 cho các cổ đông bằng cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ, theo tỷ lệ 20:3	:	11.548.570.000
• Chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông bằng tiền	:	12.314.494.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.293.176.025

**22. Nguồn kinh phí**

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	367,94	367,94
Euro (EUR)	201,77	201,72

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng – với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đang sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	342.628.064.346	271.174.477.032
Doanh thu bán thành phẩm	2.565.536.224	1.307.479.519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.089.759	35.145.354
Doanh thu cho thuê mặt bằng	245.454.545	245.454.545
Cộng	345.452.144.874	272.762.556.450

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.284.977.528	652.362.525
Hàng bán bị trả lại	772.109.213	717.138.289
Giảm giá hàng bán	46.938.951	16.873.561
Cộng	2.104.025.692	1.386.374.375

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	258.921.784.924	199.241.764.276
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.342.230.700	899.200.200
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	2.580.291.566	157.832.756
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	1.394.863.497	1.536.238.991
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	596.681.960	(1.232.690.838)
Cộng	264.835.852.647	200.602.345.385

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.936.521	92.812.472
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	48.681.751	38.831.036
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.000.000	38.373.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	44.922.551	90.178.679
Chiết khấu thanh toán	255.157.462	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.970.000.000	-
Thu nhập tài chính khác	8.079.410	289.389.392
Cộng	2.419.777.695	549.584.579

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.059.820.381	4.734.143.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	629.829.017	620.053.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.670.833.117	808.133.765
Chi phí tài chính khác	39.250.333	17.455.106
Cộng	10.399.732.848	6.179.785.611

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.726.512.604	19.545.475.078
Chi phí vật liệu, bao bì	106.830.314	227.325.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.222.159	1.195.471.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.101.921.159	6.241.256.415
Chi phí khuyến mãi	1.638.535.055	430.720.953
Các chi phí khác	4.935.015.566	2.391.279.499
Cộng	38.722.036.857	30.031.529.165

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.826.568.333	15.875.705.729
Chi phí vật liệu quản lý	272.871.759	656.366.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.717.979	210.874.651
Thuế, phí và lệ phí	411.093.800	556.706.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.993.605.288	1.806.903.377
Chi phí tiếp khách	2.463.209.412	754.219.422
Các chi phí khác	1.761.568.269	963.950.559
Cộng	18.137.634.840	20.824.726.725

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	533.469	-
Hàng khuyến mãi	342.774.417	329.572.198
Chênh lệch thừa kiểm kê	9.823.867	10.005.332
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	160.513.013	133.222.196
Các khoản nợ không còn phải trả	406.670.408	40.863.327
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	390.000.000	-
Thu nhập khác	34.058.327	98.908.125
Cộng	1.344.373.501	612.571.178



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	24.849.746	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	99.726.027	-
Chi phí khác	18.829.536	1.550.074
Cộng	143.405.309	1.550.074

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.206.122.078	1.608.399.738
Chi phí nhân công	37.543.756.067	36.357.940.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.297.317.250	2.074.758.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.723.233.109	9.326.003.205
Chi phí khác	10.799.310.395	3.982.692.221
Cộng	59.569.738.899	53.349.794.184

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản tương đương tiền bị giới hạn quyền sử dụng do được dùng làm đảm bảo cho Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.1).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	490.909.091	490.909.091
Trên 1 năm đến 5 năm	1.489.090.909	1.980.000.000
Cộng	1.980.000.000	2.470.909.091

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chi phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Ban điều hành:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn	510.000.000	3.250.000.000
Lãi vay phải trả	132.612.500	116.452.144
Tạm ứng công tác	640.000.000	1.353.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.011.066.559	1.039.081.766
Phụ cấp	639.000.000	512.000.000
Tiền thưởng	1.885.040.848	646.168.500
Cộng	3.535.107.407	2.197.250.266



2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC	Công ty con
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất qui mô nhỏ, doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 1% tổng doanh thu).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.313.720.213	-	-	19.313.720.213
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.680.150.000	-	-	2.680.150.000
Phải thu khách hàng	114.685.729.963	38.658.751.129	260.967.881	153.605.448.973
Các khoản phải thu khác	7.673.256.146	-	-	7.673.256.146
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.729.814.000	-	-	3.729.814.000
Cộng	166.082.670.322	38.658.751.129	260.967.881	205.002.389.332

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.271.906.500	-	-	22.271.906.500
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.010.850.000	-	-	3.010.850.000
Phải thu khách hàng	68.359.934.114	29.033.471.886	260.967.881	97.654.373.881
Các khoản phải thu khác	5.667.574.509	-	-	5.667.574.509
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	-	3.859.814.000
Cộng	121.170.079.123	29.033.471.886	260.967.881	150.464.518.890

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	34.902.149.895	25.822.622.481
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	2.979.962.889	2.558.862.573
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	715.911.545	651.986.832
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	60.726.800	-
Cộng	38.658.751.129	29.033.471.886

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	195.089.968.800	-	195.089.968.800
Vay và nợ	182.609.776.755	-	182.609.776.755
Các khoản phải trả khác	3.155.867.263	-	3.155.867.263
Cộng	380.855.612.818	-	380.855.612.818
Số đầu năm			
Phải trả người bán	116.159.377.227	-	116.159.377.227
Vay và nợ	191.989.589.724	-	191.989.589.724
Các khoản phải trả khác	2.855.963.550	-	2.855.963.550
Cộng	311.004.930.501	-	311.004.930.501

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	367,94	201,77	367,94	201,72
Phải trả người bán	(1.009.006,39)	(3.758.411,33)	(372.434,22)	(2.285.864,75)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(1.008.638,45)	(3.758.209,56)	(372.066,28)	(2.285.663,03)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 367.467.160 VND (năm trước giảm/tăng 135.670.248 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.567.572.598 VND (năm trước giảm/tăng 856.465.366 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 182.609.776.755 VND (số đầu năm là 191.989.589.724 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.652.195.535 VND (năm trước giảm/tăng 3.839.791.794 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng ⁽ⁱ⁾	321.200.000	55.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng ⁽ⁱ⁾	2.680.150.000	3.010.850.000
Chứng khoán kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền ký quỹ tại Ngân hàng và các tổ chức khác ⁽ⁱ⁾	7.421.762.012	5.437.574.509
Khoản phải thu khách hàng ⁽ⁱⁱ⁾	153.605.448.973	97.654.373.881
Cộng	182.028.560.985	124.157.798.390

⁽ⁱ⁾ Để làm bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành chứng thư bảo lãnh.

⁽ⁱⁱ⁾ Để làm bảo đảm cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.313.720.213	-	22.271.906.500	-	19.313.720.213	22.271.906.500
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.680.150.000	-	3.010.850.000	-	2.680.150.000	3.010.850.000
Phải thu khách hàng	153.605.448.973	(260.967.881)	97.654.373.881	(260.967.881)	153.344.481.092	97.393.406.000
Các khoản phải thu khác	7.673.256.146	-	5.667.574.509	-	7.673.256.146	5.667.574.509
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.729.814.000	-	3.859.814.000	-	3.729.814.000	3.859.814.000
Cộng	205.002.389.332	(260.967.881)	150.464.518.890	(260.967.881)	204.741.421.451	150.203.551.009

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	195.089.968.800	116.159.377.227	195.089.968.800	191.989.589.724
Phải trả người bán	182.609.776.755	191.989.589.724	182.609.776.755	116.159.377.227
Các khoản phải trả khác	3.155.867.263	2.855.963.550	3.155.867.263	2.855.963.550
Cộng	380.855.612.818	311.004.930.501	380.855.612.818	311.004.930.501

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

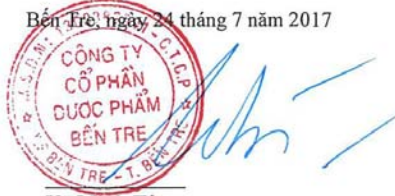


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 24 tháng 7 năm 2017



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 1: Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.486.699.787	(426.089.338)	1.060.610.449	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.032.020.208	(7.032.020.208)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.922.904	99.606.905	(96.684.001)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	798.666.336	-	3.167.879.013	(2.543.249.796)	1.423.295.553	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.592.980.927	-	-	(2.499.943.843)	-	906.962.916
Tiền thuế đất	-	-	443.007.150	(443.007.150)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Cộng	2.391.647.263	2.922.904	12.240.213.063	(13.051.994.336)	2.483.906.002	906.962.916

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 24 tháng 7 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	113.790.167.895
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	11.857.084.748	11.857.084.748
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.110.159.654)	(1.110.159.654)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(7.699.808.000)	(7.699.808.000)
Số dư cuối kỳ trước	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	27.888.200.230	116.837.284.989
Số dư đầu năm nay	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	41.894.635.982	130.843.720.741
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.548.570.000	-	-	-	(11.548.570.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	34.598.290.000	-	-	-	-	34.598.290.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	11.705.728.864	11.705.728.864
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.293.176.025)	(1.293.176.025)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(12.314.494.000)	(12.314.494.000)
Số dư cuối kỳ này	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	28.444.124.821	163.540.069.580

Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập

Nguyễn Văn Chi Cường
 Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
 Tổng Giám đốc

